

Nguyễn Văn Quyền

Nguyễn Văn Quân

Uyển Uyển

Họ và tên :

Trường :

Năm học: 20..... - 20.....

ĐỀ KIỂM TRA

TOÁN

2

HỌC KÌ 1

Biên soạn theo chương trình
KẾT NỐI TRI THỨC



👉 Quét mã QR để xem đáp án

👉 Có VIDEO bài giảng chi tiết



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Lời nói đầu

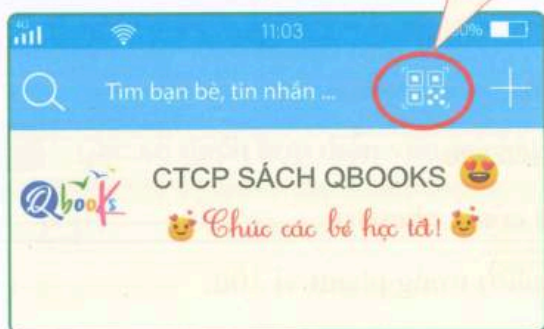
“**Đề kiểm tra Toán 2 - Học kì 1 (KN)**” là cuốn sách được biên soạn theo **chương trình sách giáo khoa mới**. Cuốn sách gồm 30 đề ôn tập, trong đó có **10 đề ôn tập kiểm tra giữa kì 1** và **20 đề ôn tập kiểm tra cuối kì 1**. Phần đáp án đã được lược bỏ và thay vào đó là các mã QR, dễ dàng và thuận tiện trong việc tra cứu đáp án.

Hướng dẫn quét mã QR để truy cập đáp án tham khảo:

Vào ứng dụng
ZALO



Bấm vào đây



Mã QR nằm ở góc bên
phải mỗi đề ôn tập.

Trong quá trình biên soạn, khó tránh khỏi những sơ suất, các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để cuốn sách hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

Xin chân thành cảm ơn!

Các tác giả

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 1



1. Số và phép tính:

- Các số trong phạm vi 100.
- Tia số, số liền trước, số liền sau.
- Các thành phần của phép cộng, phép trừ.
- Phép cộng, phép trừ (qua 10) trong phạm vi 20.

2. Đo lường: Ki-lô-gam.

3. Bài toán có lời văn:

- Bài toán về hơn, kém bao nhiêu đơn vị.
- Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị.
- Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.



NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1

1. Số và phép tính:

- Các số trong phạm vi 100.
- Tia số, số liền trước, số liền sau.
- Các thành phần của phép cộng, phép trừ.
- Phép cộng, phép trừ (có nhớ) trong phạm vi 100.

2. Hình học:

- Điểm, đoạn thẳng, đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- Hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, hình tròn, **hình tứ giác**.

3. Đo lường:

- Ki-lô-gam, lít.

4. Bài toán có lời văn:

- Bài toán về hơn, kém bao nhiêu đơn vị.
- Bài toán về thêm, bớt một số đơn vị.
- Bài toán về nhiều hơn, ít hơn một số đơn vị.



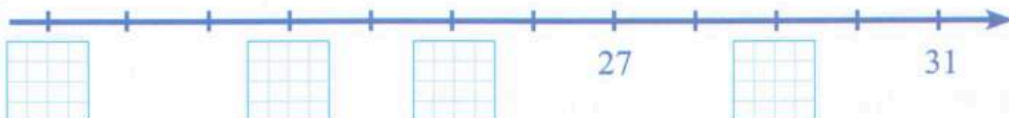
I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số liền trước của 60 là: **(0,5 điểm)**
 A. 58 B. 59 C. 61 D. 62
- Câu 2** Trong phép tính: $36 + 12 = 48$, $36 + 12$ được gọi là: **(0,5 điểm)**
 A. Số hạng B. Hiệu C. Số bị trừ D. Tổng
- Câu 3** Số bị trừ là số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số trừ là số liền trước của 54. Vậy hiệu là: **(0,5 điểm)**
 A. 46 B. 44 C. 45 D. 43
- Câu 4** Năm nay, An 12 tuổi. Bình ít hơn An 4 tuổi. Số tuổi của Bình là: **(0,5 điểm)**
 A. 8 tuổi B. 16 tuổi C. 9 tuổi D. 7 tuổi
- Câu 5** Các số thích hợp điền vào ô trống là: **(0,5 điểm)**
 A. 1, 2, 3 B. 3, 4, 5 $\boxed{12} - \boxed{3} < \boxed{8} + \boxed{?} < \boxed{4} + \boxed{9}$
 C. 2, 3, 4 D. 1, 3, 6
- Câu 6** Minh có 17 viên bi. Quân có 5 viên bi. Hỏi Minh cần cho Quân bao nhiêu viên bi để hai bạn có số viên bi bằng nhau? **(0,5 điểm)**
 A. 6 viên B. 5 viên C. 7 viên D. 8 viên

II. Phần tự luận. (7 điểm)

- Bài 1** Số? **(1 điểm)**



Bài 2 Tính. (1 điểm)

$6 + 7 =$ 

$8 + 4 =$ 

$15 - 7 =$ 

$18 - 9 =$ 

Bài 3 Tính. (1 điểm)

$49 - 32 - 9 =$ 

$6 \text{ cm} + 8 \text{ cm} - 7 \text{ cm} =$ 

Bài 4 Số? (1 điểm)

 + 9 = 14

$$6 = 7 + 7 - \square$$

Bài 5 **$> ; < ; =$** ? (1 điểm)

58 - 43  7 + 8

17 - 9  98 - 82

Bài 6 Lớp 2A có 23 học sinh. Lớp 2A có nhiều hơn lớp 2B 2 học sinh.

a. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu học sinh? (1 điểm)

Bài giải

b. Lớp 2A và lớp 2B muốn thuê một chiếc xe để cùng nhau đi tham quan vịnh Hạ Long. Hỏi để đủ chỗ cho tất cả, hai lớp cần thuê chiếc xe có ít nhất bao nhiêu chỗ ngồi? (1 điểm)

Trả lời: Hai lớp cần thuê chiếc xe có ít nhất

 chỗ ngồi.



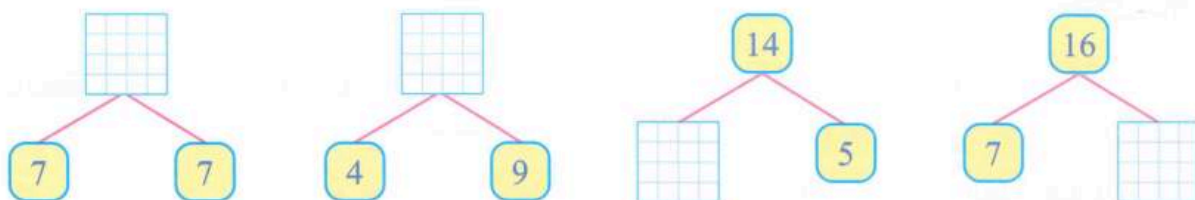
I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

- Câu 1** Số liền trước của 40 là: (0,5 điểm)
 A. 39 B. 41 C. 38 D. 42
- Câu 2** Số bị trừ là 17, số trừ là 9. Vậy hiệu là: (0,5 điểm)
 A. 7 B. 6 C. 9 D. 8
- Câu 3** Phép tính có kết quả không bằng 13 là: (0,5 điểm)
 A. $8 + 5$ B. $4 + 9$ C. $7 + 7$ D. $65 - 52$
- Câu 4** Hiệu của số lớn nhất có hai chữ số và 10 là: (0,5 điểm)
 A. 80 B. 90 C. 89 D. 91
- Câu 5** Số? (0,5 điểm)
 A. 5 B. 4 $15 - 6 < 8 + ? < 7 + 6$
 C. 6 D. 7
- Câu 6** Minh có nhiều hơn Quân 14 viên bi. Quân có ít hơn An 5 viên bi. Minh có nhiều hơn An là: (0,5 điểm)
 A. 6 viên bi B. 5 viên bi C. 19 viên bi D. 9 viên bi

II. Phần tự luận. (7 điểm)

- Bài 1** Số? (1 điểm)



Bài 2 Số? (1 điểm)



Bài 3 Số? (1 điểm)

$$25 = 15 + 43 - \boxed{}$$

$$14 - 8 + 5 = \boxed{}$$

Bài 4 > ; < ; = ? (1 điểm)

$$18 - 5 \boxed{} 8 + 7$$

$$51 + 11 \boxed{} 89 - 27$$

Bài 5 Sắp xếp các tổng sau theo thứ tự từ lớn đến bé. (1 điểm)

$$6 + 7$$

$$22 + 31$$

$$17 + 42$$

$$8 + 8$$

Bài 6 Năm nay Bình 13 tuổi. Bình hơn An 6 tuổi. Hỏi năm nay An bao nhiêu tuổi? (1 điểm)

Bài giải

Bài 7 Số? (1 điểm)

Số hạng thứ nhất là số lớn nhất có một chữ số. Số hạng thứ hai kém số hạng thứ nhất 4 đơn vị. Vậy tổng là $\boxed{}$.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền trước của 99 là: (0,5 điểm)

- A. 97 B. 98 C. 100 D. 96

Câu 2 Tổng của 9 và 6 là: (0,5 điểm)

- A. 15 B. 3 C. 14 D. 13

Câu 3 Phép tính có kết quả là số liền sau của số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là: (0,5 điểm)

- A. $8 + 4$ B. $7 + 6$ C. $9 + 5$ D. $16 - 6$

Câu 4 Mai có 15 cái nhãn vở, Hà có 8 cái nhãn vở. Hà kém Mai là: (0,5 điểm)

- A. 9 cái nhãn vở B. 8 cái nhãn vở C. 7 cái nhãn vở D. 6 cái nhãn vở

Câu 5 Số? (0,5 điểm)

- A. 12 B. 32
C. 23 D. 22

$$\boxed{19} - \boxed{3} < \boxed{39} - \boxed{?} < \boxed{9} + \boxed{9}$$

Câu 6 Thỏ cân nặng 6 kg, các con gà cân nặng bằng nhau. Cân nặng của mỗi con gà là: (0,5 điểm)

- A. 1 kg B. 2 kg
C. 3 kg D. 4 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (1 điểm)

$$7 + 5 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$5 + 8 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$14 - 6 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$11 - 5 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2



15 -

12 -

Bài 3

$8 + 5$

67 -

Bài 4



Bài 5

a. Hô

Bài giải

[illegible]

b. M

Trả lời:

Bài 6

Số bi

đơn vị



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong phép tính: $63 - 32 = 31$, $63 - 32$ được gọi là: **(0,5 điểm)**

- A. Số trừ B. Hiệu C. Số bị trừ D. Tổng

Câu 2 Số liền sau của 76 là: **(0,5 điểm)**

- A. 75 B. 78 C. 77 D. 74

Câu 3 Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số liền trước của nó là: **(0,5 điểm)**

- A. 17 B. 16 C. 18 D. 19

Câu 4 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 8 B. 5
C. 7 D. 6

$$17 > 14 - ? + 7 > 15$$

Câu 5 Số hạng thứ nhất là 23. Số hạng thứ hai hơn số hạng thứ nhất 12 đơn vị. Vậy tổng là: **(0,5 điểm)**

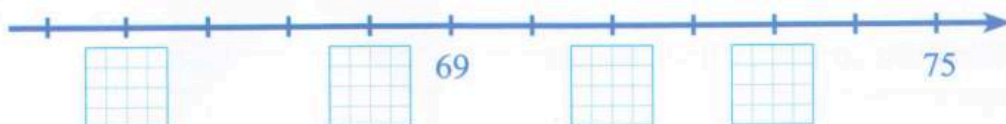
- A. 35 B. 47 C. 11 D. 58

Câu 6 Mẹ Mai có 3 chục quả trứng. Mẹ nhặt thêm 1 chục quả nữa trong chuồng gà để đủ bán cho cô Hà. Số quả trứng mẹ Mai bán cho cô Hà là: **(0,5 điểm)**

- A. 20 quả B. 31 quả C. 40 quả D. 13 quả

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? **(1 điểm)**



Bài 2 Tính. (1 điểm)

$5 + 6 =$ 

$8 + 8 =$ 

$16 - 9 =$ 

$12 - 4 =$ 

Bài 3 Số? (1 điểm)

$6 +$  $= 14$

$$  $= 49 - 40 + 8$

Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

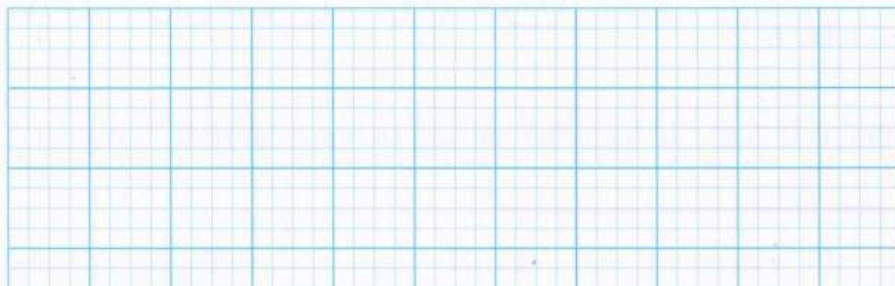
$15 + 54$  $97 - 21$

$14 - 6$  $16 - 8$

Bài 5 Năm nay An 8 tuổi. An ít hơn Hà 6 tuổi.

a. Hỏi năm nay Hà bao nhiêu tuổi? (1 điểm)

Bài giải



b. Hỏi khi Hà 28 tuổi thì An bao nhiêu tuổi? (1 điểm)

Trả lời: Khi Hà 28 tuổi thì An  tuổi.

Bài 6 Số? (1 điểm)

Hình bên có  hình tam giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền trước của 100 là: (0,5 điểm)

A. 99

B. 98

C. 97

D. 96

Câu 2 Hiệu của 45 và 13 là: (0,5 điểm)

A. 58

B. 32

C. 23

D. 34

Câu 3 Số có chữ số hàng đơn vị kém chữ số hàng chục 5 đơn vị là: (0,5 điểm)

A. 71

B. 38

C. 94

D. 52

Câu 4 My nhặt được 25 vỏ chai nhựa. An mang 4 vỏ chai nhựa ở nhà đưa thêm cho My. Số vỏ chai nhựa My có tất cả là: (0,5 điểm)

A. 25 vỏ chai

B. 21 vỏ chai

C. 29 vỏ chai

D. 65 vỏ chai



Câu 5 Phép tính thích hợp là: (0,5 điểm)

A. $69 - 42$

B. $9 + 8$

C. $13 + 5$

D. $38 - 22$

$$16 < ? < ? < 89 - 71$$

Câu 6 Hai con gà cân nặng bằng nhau, thỏ nặng hơn gà 2 kg. Cân nặng của thỏ là: (0,5 điểm)

A. 3 kg

B. 6 kg

C. 5 kg

D. 4 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (1 điểm)



★ ★
Bài 2 Số? (1 điểm)

$$9 = 37 - 25 - \square$$

$$\square + 8 = 5 + 7$$

★ ★
Bài 3 >; <; = ? (1 điểm)

$$87 - 45 \square 24 + 12$$

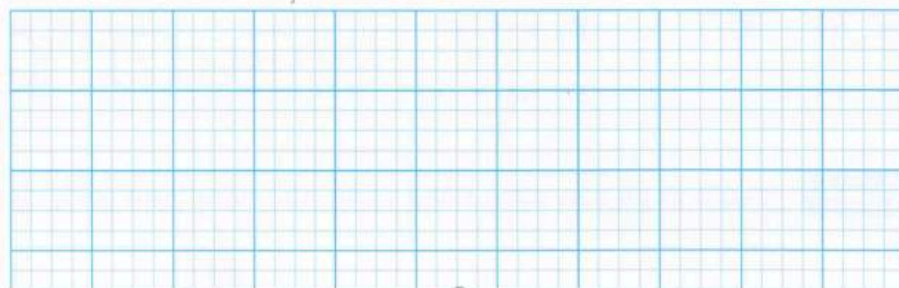
$$9 + 9 \square 79 - 61$$

★ ★
Bài 4 Sắp xếp các hiệu sau theo thứ tự tăng dần. (1 điểm)

17 - 8	11 - 6	14 - 7	12 - 9

★ ★
Bài 5 Lớp 2A được phân công trồng 15 cây xanh nhưng mới trồng được 9 cây. Hỏi lớp 2A còn phải trồng thêm bao nhiêu cây xanh nữa? (2 điểm)

Bài giải



★ ★
Bài 6 Số? (1 điểm)

Hình bên có hình vuông.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền trước của 50 là: (0,5 điểm)

- A. 51 B. 49 C. 48 D. 52

Câu 2 Tổng của 34 và 11 là: (0,5 điểm)

- A. 23 B. 54 C. 45 D. 44

Câu 3 Số bị trừ hơn số trừ 8 đơn vị. Vậy hiệu là: (0,5 điểm)

- A. 8 B. 7 C. 9 D. 5

Câu 4 Trên xe buýt có 15 người. Đến điểm dừng có 4 người lên xe. Số người trên xe buýt lúc này là: (0,5 điểm)

- A. 8 người B. 11 người C. 12 người D. 19 người

Câu 5 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 3 hình tam giác B. 4 hình tam giác
C. 5 hình tam giác D. 6 hình tam giác



Câu 6 Hai con vịt cân nặng bằng nhau, con mèo cân nặng 6 kg. Con mèo nặng hơn con vịt là: (0,5 điểm)

- A. 4 kg B. 2 kg
C. 3 kg D. 1 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (1 điểm)

$$9 + 4 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$8 + 7 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$12 - 7 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$11 - 9 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2



$$= 7 + 9 - 8$$

Bài 3

$$> ; < ; =$$

? (1 điểm)



$5 + 6$

63 - 41

48 - 17

Bài 4

Sắp xếp các số 9, 35, 17, 80 theo thứ tự giảm dần. (1 điểm)

Bài 5

Khoảng cách từ nhà Châu Châu đến nhà Sâu là 45 cm và ngắn hơn khoảng cách từ nhà Châu châu đến nhà Ốc Sên 24 cm. Hỏi nhà Châu Châu cách nhà Ốc Sên bao nhiêu xăng-ti-mét? **(2 điểm)**



Bài giải

Bài 6

An đang nghĩ đến một số có hai chữ số mà khi số chục tăng thêm 4 và số đơn vị bớt đi 4 thì được một số có hai chữ số giống nhau. Hỏi An đang nghĩ đến số mấy? (1 điểm)



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền sau của 39 là: **(0,5 điểm)**

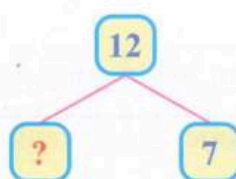
- A. 40 B. 38 C. 41 D. 37

Câu 2 Số hạng thứ nhất là 35, số hạng thứ hai là 21. Vậy tổng là: **(0,5 điểm)**

- A. 14 B. 47 C. 56 D. 32

Câu 3 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 4 B. 5
C. 6 D. 7



Câu 4 Số bông hoa màu vàng hơn số bông hoa màu đỏ là: **(0,5 điểm)**

- A. 10 bông
B. 11 bông
C. 12 bông
D. 13 bông



Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 26 B. 46
C. 36 D. 35

$$9 + 4 < ? - 22 < 8 + 7$$

Câu 6 Lớp 2A có 25 học sinh. Cô Hà tặng cho mỗi bạn một quyển vở thì còn lại 4 quyển. Số quyển vở cô Hà có lúc đầu là: **(0,5 điểm)**

- A. 21 quyển vở B. 65 quyển vở C. 27 quyển vở D. 29 quyển vở

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(2 điểm)**

$3 + 9 =$ 

$7 + 6 =$ 

$14 - 8 =$ 

$12 - 6 =$ 

Bài 2 Số? (1 điểm)

$87 - 80 + 9 =$ 

$8 = 39 - 23 -$ 

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$12 + 40$  $25 + 23$

$66 - 55$  $3 + 8$

Bài 4 Lớp 2C chia làm hai tổ cùng nhau trồng cây xanh trong khuôn viên trường.
Tổ Một trồng được 14 cây xanh. Tổ Hai trồng được ít hơn tổ Một 3 cây xanh.

a. Hỏi tổ Hai trồng được bao nhiêu cây xanh? (1 điểm)

Bài giải



b. Lớp 2C được nhà trường phân công trồng 2 chục cây xanh. Hỏi lớp 2C đã trồng nhiều hơn nhà trường phân công bao nhiêu cây xanh? (1 điểm)

Trả lời: Lớp 2C đã trồng nhiều hơn nhà trường phân công  cây xanh.

Bài 5 Tìm hiệu của số lớn nhất có hai chữ số khác nhau và số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau. (1 điểm)

Trả lời: Hiệu cần tìm là: 



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 79 là số liền trước của: (0,5 điểm)

- A. 78 B. 80 C. 81 D. 77

Câu 2 Trong phép tính: $24 - 14 = 10$, số trừ là: (0,5 điểm)

- A. 24 B. $24 - 14$ C. 14 D. 10

Câu 3 Số? (0,5 điểm)

- A. 32 B. 22
C. 12 D. 23

$$7 + 9 = 48 - ?$$

Câu 4 Tổng của 7 và 6 là số liền sau của: (0,5 điểm)

- A. 11 B. 12 C. 13 D. 14

Câu 5 Phép tính có kết quả lớn nhất là: (0,5 điểm)

- A. $87 - 45$ B. $9 + 9$ C. $63 - 41$ D. $56 - 22$

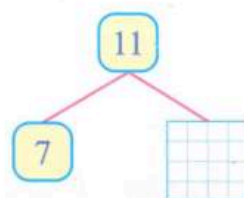
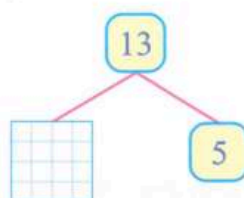
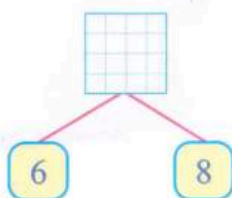
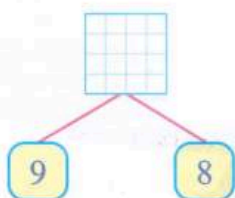
Câu 6 Số? (0,5 điểm)

- A. 9 B. 10
C. 14 D. 12

$$0 \quad 4 \quad 8 \quad ? \quad 16$$

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (1 điểm)



Bài 2 Số? (1 điểm)

81  91

Bài 3 Số? (1 điểm)

$56 - 23 + 12 =$ 

$16 - 7 +$  $= 13$

Bài 4 **$> ; < ; =$** ? (1 điểm)

$5 + 7$  $2 + 9$

$47 - 12$  $82 - 41$

Bài 5 Sắp xếp các tổng, hiệu sau theo thứ tự giảm dần. (1 điểm)

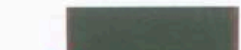
$5 + 9$

$63 - 30$

$16 - 8$

$12 + 11$

Bài 6 Lớp 2B có 14 bạn nam. Số bạn nam nhiều hơn số bạn nữ 5 bạn. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu bạn nữ? **(1 điểm)**



Bài giải

Bài 7 Quan sát bức tranh và cho biết con gà nhẹ hơn con chó bao nhiêu ki-lô-gam?
(1 điểm)

Trả lời: Con gà nhẹ hơn con chó  kg.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 35 là số liền sau của: **(0,5 điểm)**

- A. 36 B. 34 C. 37 D. 33

Câu 2 15 là tổng của: **(0,5 điểm)**

- A. 6 và 7 B. 25 và 10 C. 9 và 6 D. 8 và 8

Câu 3 Số bị trừ là số liền trước của 18, số trừ là số lớn nhất có một chữ số. Vậy hiệu là: **(0,5 điểm)**

- A. 8 B. 9 C. 7 D. 6

Câu 4 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 5 B. 6
C. 7 D. 8

$$19 - 7 < 6 + ? < 58 - 44$$

Câu 5 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 4 hình chữ nhật B. 5 hình chữ nhật
C. 7 hình chữ nhật D. 9 hình chữ nhật



Câu 6 Hà hái được nhiều hoa hơn My. Sau khi hái thêm 12 bông thì My lại có nhiều hơn Hà 5 bông hoa. Lúc đầu, Hà hái được nhiều hơn My là: **(0,5 điểm)**

- A. 8 bông hoa B. 7 bông hoa C. 17 bông hoa D. 10 bông hoa

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? **(1 điểm)**

a. Số liền sau của 77 là: 

b. Tổng của 25 và 12 là: 

c. Số liền trước của số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là



d. Khi số trừ kém số bị trừ 9 đơn vị thì hiệu bằng



Bài 2 Tính. (1 điểm)

$3 + 8 =$

$5 + 9 =$

$13 - 9 =$

$12 - 8 =$

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$4 + 8$ $5 + 8$

$17 - 8$ $12 - 3$

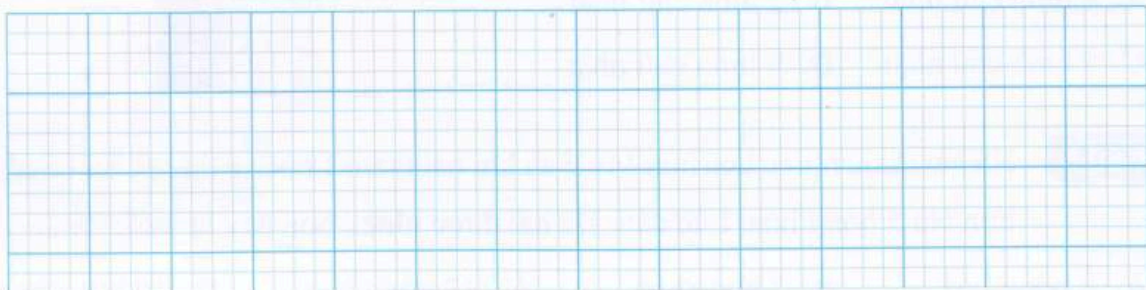
Bài 4 Số? (1 điểm)

$47 - 31 = 9 +$

$18 - 9 >$ $+ 8$

Bài 5 Một cuốn sách có 68 trang, An đã đọc được 30 trang. Hỏi còn bao nhiêu trang nữa An chưa đọc? (2 điểm)

Bài giải



Bài 6 An đang nghĩ đến một số có hai chữ số mà hiệu của số chục và số đơn vị là 5 và tổng của chúng bằng 7. Hỏi số An đang nghĩ đến là số mấy? (1 điểm)

Trả lời: Số An đang nghĩ đến là





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 84 có số liền sau là: **(0,5 điểm)**

- A. 83 B. 82 C. 85 D. 86

Câu 2 Hiệu của 56 và 13 là: **(0,5 điểm)**

- A. 43 B. 69 C. 67 D. 78

Câu 3 Số hạng thứ nhất là 8. Số hạng thứ hai kém số hạng thứ nhất 3 đơn vị. Vậy tổng là: **(0,5 điểm)**

- A. 5 B. 13 C. 11 D. 19

Câu 4 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 5 B. 6
C. 7 D. 8

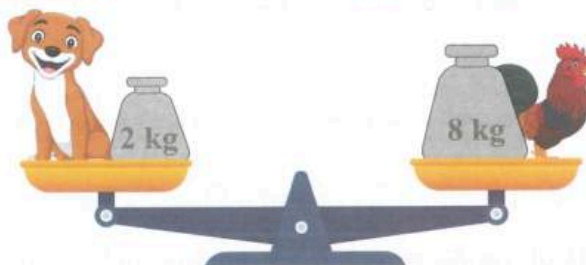
$$5 + 9 < 12 - 5 + ? < 16$$

Câu 5 Vườn cây ăn quả nhà An có 54 cây bưởi. Bố An trồng thêm 32 cây bưởi nữa. Số cây bưởi nhà An có tất cả là: **(0,5 điểm)**

- A. 22 cây B. 21 cây C. 87 cây D. 86 cây

Câu 6 Con gà cân nặng 3 kg. Cân nặng của con chó là: **(0,5 điểm)**

- A. 6 kg
B. 10 kg
C. 9 kg
D. 11 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(2 điểm)**

$7 + 9 =$ 

$4 + 8 =$ 

$11 - 7 =$ 

$15 - 9 =$ 

Bài 2 Số? (1 điểm)

$17 = 8 +$ 

$$13 - \begin{array}{|c|} \hline \square \\ \hline \end{array} = 11 - 3$$

Bài 3 **$> ; < ; =$** ? (1 điểm)

$9 + 5$  $7 + 7$

$7 + 7$

76 - 21  89 - 51

89 - 51

Bài 4 Sắp xếp các số 32, 65, 29, 81 theo thứ tự từ bé đến lớn. (1 điểm)

Bài 5 Đàn gà nhà Hoa có 24 con gà trống. Số gà trống ít hơn số gà mái 10 con.

a. Hỏi đàn gà nhà Hoa có bao nhiêu con gà mái? (1 điểm)

Bài giải

A blank sheet of graph paper with a light blue grid pattern. The grid consists of small squares, and there are several horizontal lines spaced evenly across the page. The paper appears slightly aged or off-white.

b. Cô Bình muốn mua của nhà Hoa 3 chục con gà. Hỏi số gà nhà Hoa có hơn số gà cô Bình muốn mua bao nhiêu con gà? (1 điểm)

Trả lời: Số gà nhà Hoa có hơn số gà cô Bình muốn mua

 con gà.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Đồng hồ bên chỉ: (0,5 điểm)

- A. 1 giờ 3 phút B. 2 giờ 15 phút
C. 14 giờ 15 phút D. 13 giờ 15 phút



Câu 2 Hình bên có: (0,5 điểm)



- A. 6 đoạn thẳng B. 3 đoạn thẳng C. 5 đoạn thẳng D. 4 đoạn thẳng

Câu 3 Số lớn nhất trong các số 53, 27, 65, 19 là: (0,5 điểm)

- A. 53 B. 27 C. 65 D. 19

Câu 4 Hiệu của 45 và 27 là số liền sau của: (0,5 điểm)

- A. 18 B. 72 C. 17 D. 19

Câu 5 Số? (0,5 điểm)

- A. 19 B. 39
C. 49 D. 29

$$57 < 33 - 14 + ? < 59$$

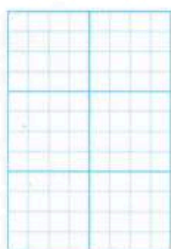
Câu 6 An cân nặng 22 kg, Huy cân nặng 26 kg, Mai cân nặng 18 kg và Hà cân nặng 24 kg. Bốn bạn cùng đi thuyền qua sông nhưng thuyền chỉ có thể chở thêm được 40 kg nữa. Theo em, hai bạn nào nên qua sông trước? (0,5 điểm)

- A. An và Mai B. Mai và Hà C. An và Huy D. Huy và Hà

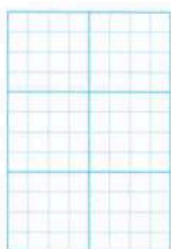
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

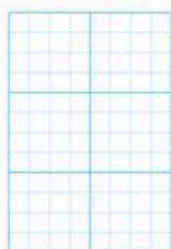
$48 + 6$



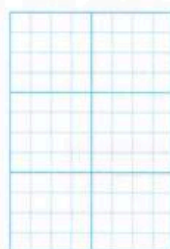
$51 - 5$



$34 + 29$



$88 - 69$



Bài 2 Tính. (1 điểm)

$27 \text{ kg} + 38 \text{ kg} - 19 \text{ kg} =$



$61 \text{ l} - 25 \text{ l} + 27 \text{ l} =$



Bài 3 Điền vào chỗ trống cho thích hợp. (1 điểm)

a. Cân nặng của con chó là:  kg.



b. Nếu ngày 15 tháng 11 là thứ Hai thì ngày 21 tháng 11 là .

Bài 4 Một cửa hàng buổi sáng bán được 43 l xăng. Buổi sáng bán ít hơn buổi chiều 18 l xăng. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu lít xăng? (2 điểm)

Bài giải



Bài 5 Số? (1 điểm)

Hình bên có  hình tứ giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

A. 45

B. 48

C. 50

D. 49



Câu 2 Bây giờ là buổi chiều. Đồng hồ bên chỉ: (0,5 điểm)

A. 16 giờ 30 phút

B. 4 giờ 30 phút

C. 16 giờ 6 phút

D. 4 giờ 6 phút



Câu 3 Số liền trước của 66 là kết quả của phép tính: (0,5 điểm)

A. $17 + 58$

B. $82 - 37$

C. $29 + 36$

D. $91 - 36$

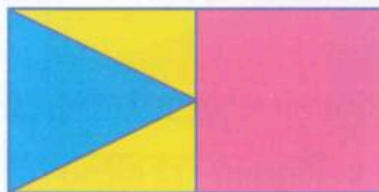
Câu 4 Hình bên có: (0,5 điểm)

A. 3 hình tứ giác

B. 4 hình tứ giác

C. 5 hình tứ giác

D. 6 hình tứ giác



Câu 5 Hiệu của số nhỏ nhất có hai chữ giống nhau và số lớn nhất có một chữ số là: (0,5 điểm)

A. 1

B. 2

C. 89

D. 20

Câu 6 Chim thần chỉ chở được 9 kg vàng. Người anh tham lam đã lấy nhiều hơn sức chở của chim thần 27 kg vàng. Số vàng người anh đã lấy là: (0,5 điểm)

A. 18 kg vàng

B. 26 kg vàng

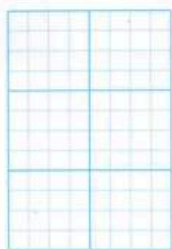
C. 28 kg vàng

D. 36 kg vàng

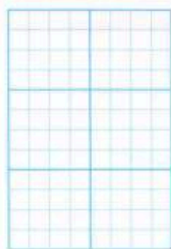
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

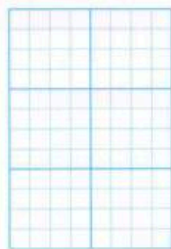
$43 + 9$



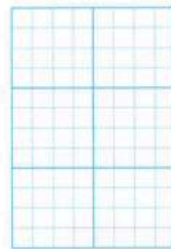
$34 - 6$



$27 + 35$



$84 - 48$



Bài 2 Số? (1 điểm)

$73 l - 46 l + 14 l = \boxed{} l$

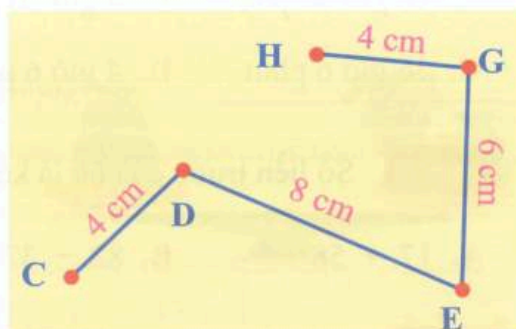
$23 = 45 + 37 - \boxed{}$

Bài 3 Số? (1 điểm)

a. Độ dài đường gấp khúc DEGH là  cm.

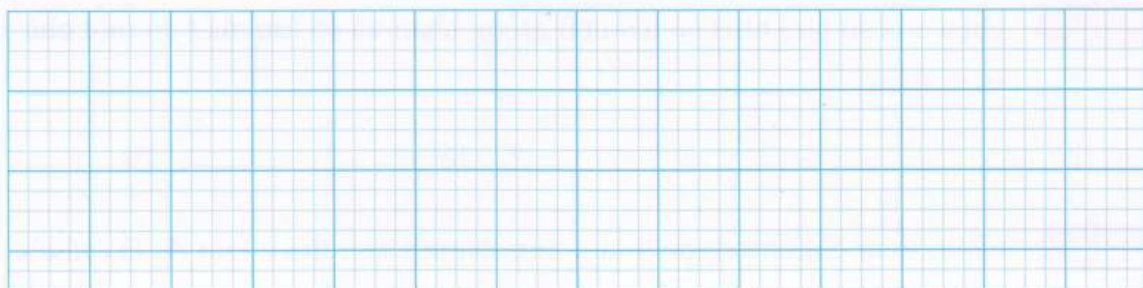
b. Hôm nay là Chủ Nhật ngày 5 tháng 12.

Thứ Ba tuần sau là ngày  tháng 12.



Bài 4 An cân nặng 23 kg. An cân nặng hơn Bình 4 kg. Hỏi Bình cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam? (2 điểm)

Bài giải



Bài 5 Số? (1 điểm)

Hà đang nghĩ đến một số có hai chữ số. Tổng của số đó và 73 là một số có hai

chữ số mà số đơn vị bằng 0. Số Hà đang nghĩ đến là: 



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 99 là số liền trước của: (0,5 điểm)

- A. 100 B. 98 C. 97 D. 96

Câu 2 27 là hiệu của: (0,5 điểm)

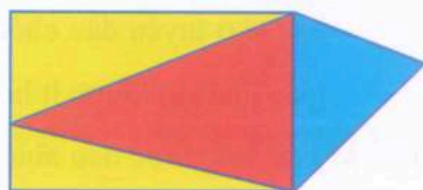
- A. 55 và 38 B. 43 và 26 C. 74 và 47 D. 62 và 55

Câu 3 Hôm nay là thứ Hai, ngày 8 tháng 11. Đúng một tuần nữa là sinh nhật của Hoa. Sinh nhật của Hoa là: (0,5 điểm)

- A. Thứ Ba, ngày 15 tháng 11 B. Thứ Hai, ngày 15 tháng 11
C. Thứ Tư, ngày 16 tháng 11 D. Thứ Hai, ngày 14 tháng 11

Câu 4 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 5 Trong các phép tính sau, phép tính có tổng hoặc hiệu lớn nhất là: (0,5 điểm)

- A. $17 + 28$ B. $82 - 48$ C. $75 - 59$ D. $26 + 29$

Câu 6 Mỗi con vịt cân nặng 3 kg. Cân nặng của mỗi con chó là: (0,5 điểm)

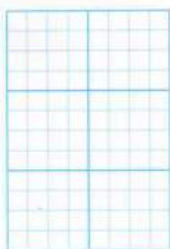
- A. 3 kg B. 4 kg
C. 5 kg D. 6 kg



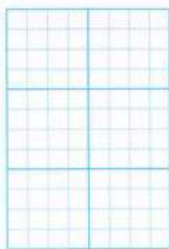
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

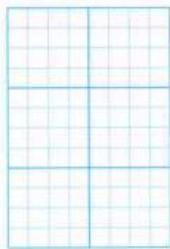
$37 + 43$



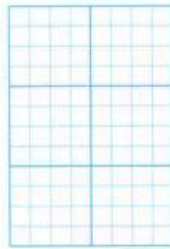
$72 - 27$



$68 - 39$



$55 + 29$



Bài 2 Số? (1 điểm)

$\boxed{} = 52 + 18 - 23$

$45 - \boxed{} = 68 - 59$

Bài 3 >; <; = ? (1 điểm)

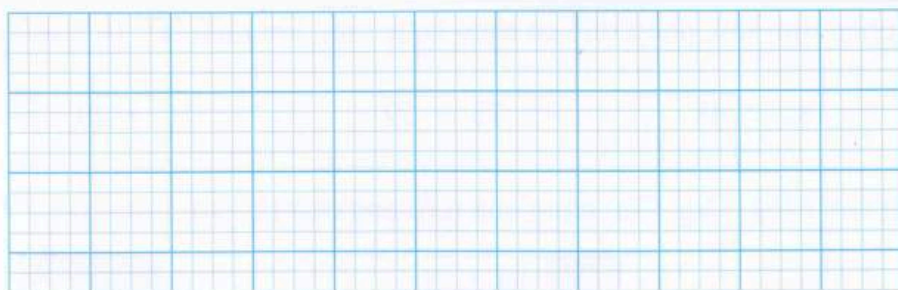
$58 \boxed{} 91 - 19$

$29 + 14 \boxed{} 71 - 28$

Bài 4 Yến và My lập kế hoạch làm 90 chiếc tai giả trong một ngày để gửi tặng các bác sĩ ở tuyến đầu chống dịch. Sau một ngày, Yến đã làm được 45 chiếc tai giả. Yến làm được ít hơn My 7 chiếc.

a. Hỏi My đã làm được bao nhiêu chiếc tai giả? (2 điểm)

Bài giải



Chú thích: Tai giả là một đồ vật giúp tai đỡ đau hơn khi đeo khẩu trang trong thời gian dài.

b. Hai bạn Yến và My có đạt kế hoạch đề ra không? Nếu có thì vượt kế hoạch bao nhiêu chiếc tai giả? Nếu không thì còn thiếu mấy chiếc để đạt kế hoạch? (1 điểm)

☐ Không

☐ Có

Còn thiếu chiếc $\boxed{}$ tai giả nữa.

Đã vượt kế hoạch $\boxed{}$ chiếc tai giả



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền trước của 80 là: (0,5 điểm)

- A. 81 B. 82 C. 78 D. 79

Câu 2 Hướng về miền Trung thân yêu, chuyến xe chở hàng cứu trợ của bác Hải đã khởi hành ngay trong đêm. Xe xuất phát lúc: (0,5 điểm)

- A. 11 giờ 15 phút B. 23 giờ 15 phút
C. 11 giờ 3 phút D. 23 giờ 3 phút



Câu 3 Hôm nay là thứ Ba, ngày 15 tháng 6. Thứ Tư tuần trước là: (0,5 điểm)

- A. Ngày 7 tháng 6 B. Ngày 6 tháng 6 C. Ngày 9 tháng 6 D. Ngày 8 tháng 6

Câu 4 Số? (0,5 điểm)

- A. 70 B. 71
C. 80 D. 81

$$29 + 24 < ? - 26 < 91 - 36$$

Câu 5 Số bị trừ là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số, số trừ là số liền sau của 27. Vậy hiệu là: (0,5 điểm)

- A. 62 B. 72 C. 63 D. 71

Câu 6 Số? (0,5 điểm)

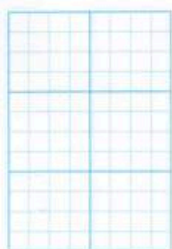
- A. 43 B. 67
C. 54 D. 55

$$3 \quad 16 \quad 29 \quad 42 \quad ? \quad 68 \quad 81$$

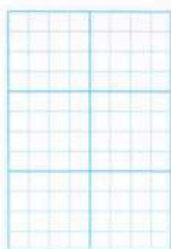
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

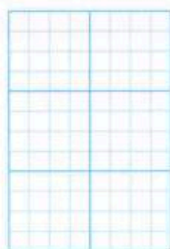
$47 + 28$



$16 + 49$



$55 - 17$



$72 - 38$



Bài 2 Số? (1 điểm)

$39 \text{ l} + 7 \text{ l} - 28 \text{ l} = \boxed{} \text{ l}$

$35 = 54 - 28 + \boxed{}$

Bài 3 > ; < ; = ? (1 điểm)

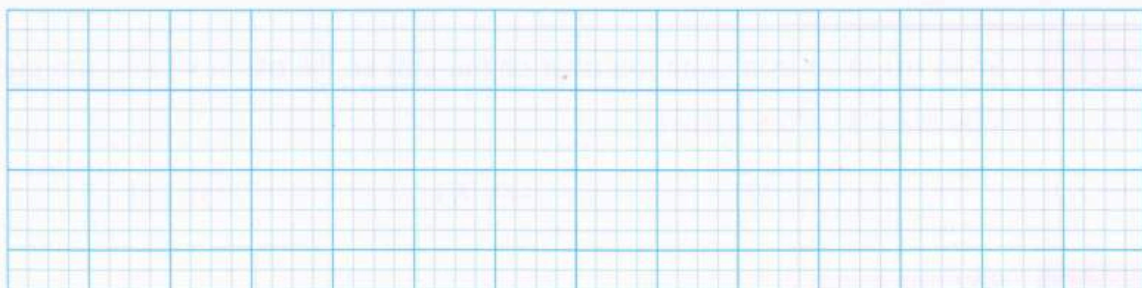
$46 + 17 \boxed{} 59$

$72 - 24 \boxed{} 87 - 39$

Bài 4 Hiền giúp mẹ thu hoạch cam. Hiền đặt mục tiêu hái 50 quả cam và chỉ còn thiếu 8 quả nữa là đạt được. Hỏi Hiền đã hái được bao nhiêu quả cam? (2 điểm)



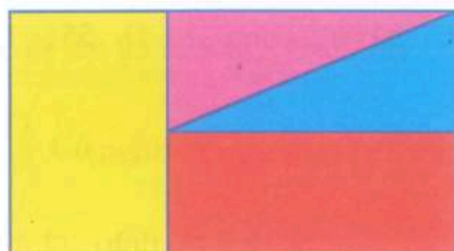
Bài giải



Bài 5 Số? (1 điểm)

Hình bên có: $\boxed{}$ đoạn thẳng,

$\boxed{}$ hình tứ giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền sau của 36 là: (0,5 điểm)

- A. 34 B. 37 C. 35 D. 38

Câu 2 Ngày nào mẹ cũng thức dậy sớm để chuẩn bị đồ ăn sáng cho hai chị em Mai và Hiền. Mẹ thường thức dậy lúc: (0,5 điểm)

- A. 6 giờ 6 phút B. 17 giờ 30 phút
C. 6 giờ 30 phút D. 5 giờ 30 phút



Câu 3 Nếu ngày 20 tháng 12 là thứ Ba thì ngày 12 tháng 12 là thứ mấy? (0,5 điểm)

- A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm

Câu 4 Số? (0,5 điểm)

- A. 37 B. 19
C. 27 D. 47

$$63 - ? = 45 - 26 + 17$$

Câu 5 Nhà Hà có nuôi 4 chục con gà và 25 con vịt. Số vịt kém số gà là: (0,5 điểm)

- A. 21 con B. 29 con C. 15 con D. 25 con

Câu 6 Tổng số cây lớp 2A và lớp 2B trồng được là 50 cây, trong đó có 24 cây là lớp 2B trồng. Số cây lớp 2A trồng được là: (0,5 điểm)

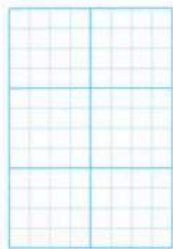
- A. 16 cây B. 26 cây
C. 74 cây D. 36 cây



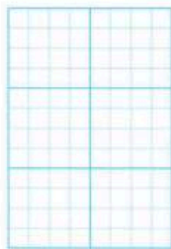
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

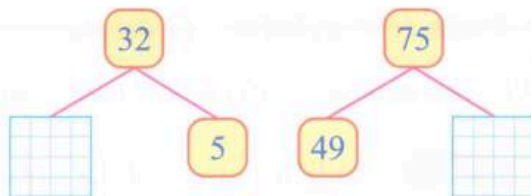
$83 - 28$



$16 + 56$



Bài 2 Số? (1 điểm)



Bài 3 Số? (1 điểm)

$56 - 29 + 24 =$

$64 = 37 + 55 -$

Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

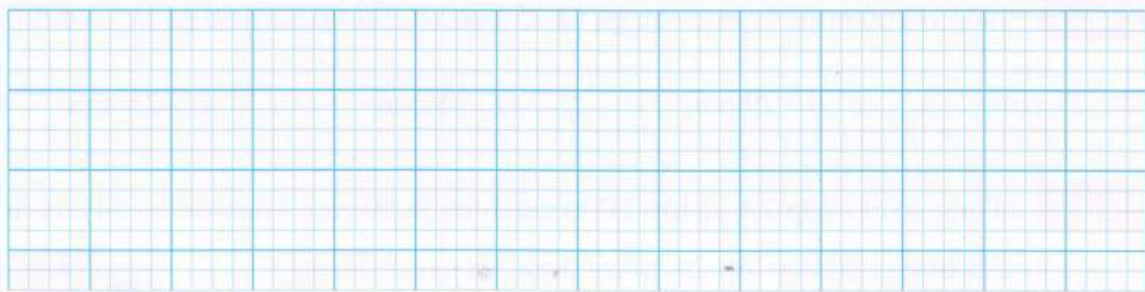
58
 $47 + 14$

$33 + 29$
 $91 - 29$

Bài 5 Buổi sáng, mẹ Hà bán được 45 kg xoài. Buổi chiều, mẹ Hà bán thêm được 27 kg nữa. Hỏi mẹ Hà bán được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam xoài? (2 điểm)

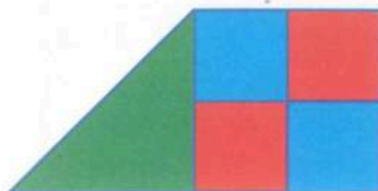


Bài giải



Bài 6 Số? (1 điểm)

Hình bên có hình tứ giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong phép tính $62 - 35 = 27$, 35 được gọi là: **(0,5 điểm)**

- A. Số hạng B. Số bị trừ C. Số trừ D. Hiệu

Câu 2 Số liền trước của 40 là: **(0,5 điểm)**

- A. 39 B. 38 C. 42 D. 41

Câu 3 Hôm nay là thứ Năm, ngày 14 tháng 12. Thứ Tư tuần sau là: **(0,5 điểm)**

- A. Ngày 19 tháng 12 B. Ngày 20 tháng 12 C. Ngày 21 tháng 12 D. Ngày 22 tháng 12

Câu 4 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 5 Số? **(0,5 điểm)**

- A. 15 B. 16
C. 25 D. 26

$$37 + 37 < 75 - 16 + ? < 76$$

Câu 6 Hiện tại, người trở về Việt Nam từ nước ngoài phải cách ly y tế 21 ngày thay vì 2 tuần như trước đó. Vậy thời gian cách ly y tế đã tăng thêm: **(0,5 điểm)**

- A. 8 ngày B. 19 ngày C. 6 ngày D. 1 tuần

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. **(1 điểm)**

$$73 + 9 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$28 + 57 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$52 - 26 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$81 - 38 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2



b. Rót hết sữa trong bình ra đầy 4 cốc.

giờ



phút.

Dung tích của bình là:



Bài 3

$$13 + 48 - 25 =$$

Bài 4

 $> ; < ; =$

? (1 điểm)

81 kg

 $66 \text{ kg} + 25 \text{ kg}$
$$71 - \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 37 + 28$$

45 - 19

73 - 47

Bài 5

a. He

[illegible]

b. H

Trả lời: Anh Khoai cần thêm

 đốt tre nữa để đủ 100 đốt.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong phép tính $16 + 24 = 40$, $16 + 24$ được gọi là: **(0,5 điểm)**

- A. Số hạng B. Tổng C. Số trừ D. Hiệu

Câu 2 Buổi sáng, Phong thường thức dậy lúc: **(0,5 điểm)**

- A. 6 giờ 3 phút B. 18 giờ 15 phút
C. 6 giờ 15 phút D. 18 giờ 3 phút



Câu 3 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 4 Ngày 13 tháng 12 là thứ Hai. Ngày 23 tháng 12 là thứ mấy? **(0,5 điểm)**

- A. Thứ Hai B. Thứ Ba C. Thứ Tư D. Thứ Năm

Câu 5 Trong các phép tính sau, phép tính có tổng hoặc hiệu nhỏ nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. $61 - 28$ B. $11 + 59$ C. $28 + 27$ D. $92 - 73$

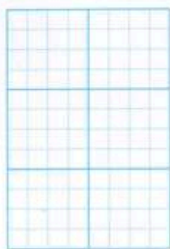
Câu 6 An tìm số báo danh của mình dán ngoài phòng thi. Số báo danh của An là 69. Xếp dưới An trong danh sách là Minh và xếp trên An là Hà. Số báo danh của Minh là: **(0,5 điểm)**

- A. 68 B. 70 C. 67 D. 71

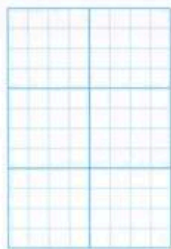
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. **(2 điểm)**

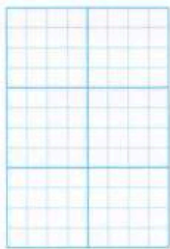
$55 + 26$



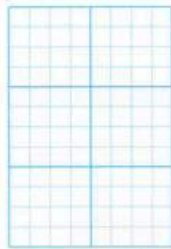
$18 + 23$



$42 - 15$



$80 - 34$



Bài 2 Số? (1 điểm)



$= 69 + 27 - 18$



$81 - \square = 15 + 43$

Bài 3 > ; < ; = ? (1 điểm)

$52 \text{ l} + 8 \text{ l}$



60 l

$36 + 26$



$82 - 37$

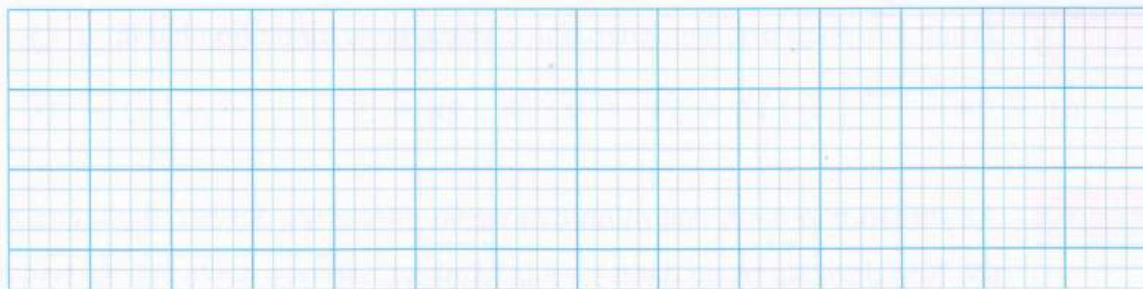
Bài 4 Trong một giờ, bố Huệ nhặt được 12 kg hạt điều.

Bố nhặt ít hơn mẹ 6 kg hạt điều.



- a. Hỏi mẹ Huệ nhặt được bao nhiêu ki-lô-gam hạt điều trong một giờ? (2 điểm)

Bài giải



- b. Cô Hai có đặt mua của nhà Huệ 30 kg hạt điều và sẽ lấy trong sáng nay. Bố mẹ Huệ bắt đầu nhặt hạt điều lúc 6 giờ sáng. Hỏi nhà Huệ có thể giao đủ hạt điều cho cô Hai lúc mấy giờ sáng? (1 điểm)

Trả lời: Nhà Huệ có thể giao đủ hạt điều cho cô Hai lúc  giờ sáng.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 75 có số liền trước là: **(0,5 điểm)**

- A. 76 B. 74 C. 77 D. 73

Câu 2 Hiệu của 65 và 26 là: **(0,5 điểm)**

- A. 49 B. 81 C. 91 D. 39

Câu 3 Nam rời khỏi nhà lúc 6 giờ sáng. Vì nhà ở xa trường nên Nam đến trường lúc 7 giờ sáng. Thời gian Nam đi từ nhà đến trường là: **(0,5 điểm)**



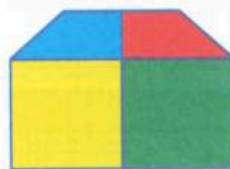
- A. 10 phút B. 30 phút
C. 60 phút D. 15 phút

Câu 4 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

- A. $36 + 29$ B. $91 - 49$ C. $48 + 23$ D. $92 - 58$

Câu 5 Hình bên có: **(0,5 điểm)**

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 6 Bố bế em bé đứng lên cân (như bức tranh). Cân nặng của bố là 67 kg. Cân nặng của em bé là: **(0,5 điểm)**

- A. 3 kg B. 2 kg
C. 4 kg D. 5 kg



II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)

$54 + 7 =$ 

$28 + 37 =$ 

$77 - 28 =$ 

61 - 28 = 

Bài 2 Số? (1 điểm)

 $l = 56l - 38l + 14l$

$$16 + \begin{array}{|c|} \hline \\ \hline \end{array} = 19 + 35$$

Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$$62\text{ l} - 25\text{ l} \quad \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} \quad 25\text{ l}$$

56 kg + 18 kg  92 kg - 18 kg

Bài 4 Hôm nay là ngày thứ 21 bác sĩ Hà xa gia đình để tham gia chống dịch. May mắn hơn, số ngày bác sĩ Hiệu xa gia đình ít hơn bác sĩ Hà 7 ngày.

a. Hỏi bác sĩ Hiệu đã xa gia đình bao nhiêu ngày ? (2 điểm)

Bài giải



b. Bác sĩ Hà lên đường tham gia chống dịch vào thứ Tư, ngày 2 tháng 6. Hỏi hôm nay là thứ mấy, ngày mấy tháng 6? (1 điểm)

Trả lời: Hôm nay là thứ

, ngày

 tháng 6.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tổng của 54 và 27 là: (0,5 điểm)

- A. 27 B. 81 C. 37 D. 71

Câu 2 Hằng ngày, An đi ngủ lúc: (0,5 điểm)

- A. 9 giờ 6 phút B. 22 giờ 30 phút
C. 9 giờ 30 phút D. 21 giờ 30 phút

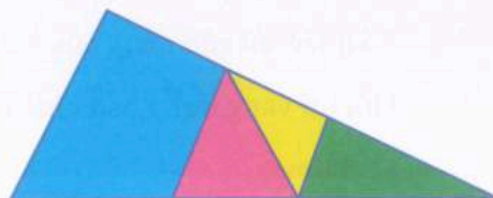


Câu 3 Số tròn chục liền sau của 65 là: (0,5 điểm)

- A. 66 B. 64 C. 70 D. 50

Câu 4 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 5 Hôm nay là thứ Sáu, ngày 15 tháng 10. Một tuần nữa là đến sinh nhật Hoài. Sinh nhật Hoài là: (0,5 điểm)

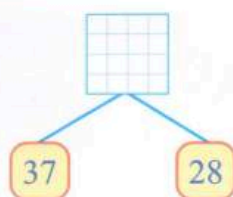
- A. Thứ Sáu, ngày 22 tháng 10 B. Thứ Tư, ngày 20 tháng 10
C. Thứ Bảy, ngày 23 tháng 10 D. Thứ Năm, ngày 21 tháng 10

Câu 6 Hiện nay, tổng số tuổi của An và Bình là 14 tuổi. Sau 3 năm nữa, tổng số tuổi của An và Bình là: (0,5 điểm)

- A. 17 tuổi B. 20 tuổi C. 11 tuổi D. 15 tuổi

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

A. 77

B. 80

C. 81

D. 79



Câu 2 Nếu ngày 9 là thứ Tư thì ngày 13 là: (0,5 điểm)

A. Thứ Năm

B. Thứ Sáu

C. Thứ Bảy

D. Chủ Nhật

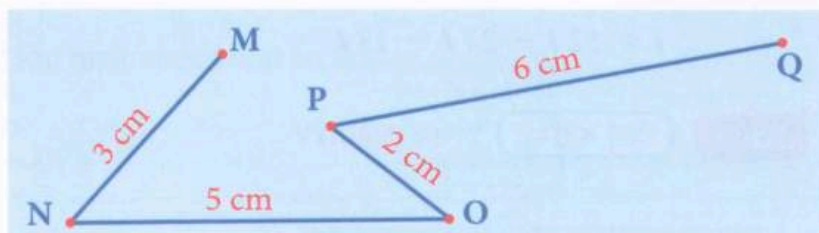
Câu 3 Độ dài đường gấp khúc NOPQ là: (0,5 điểm)

A. 10 cm

B. 13 cm

C. 16 cm

D. 11 cm



Câu 4 Số? (0,5 điểm)

A. 35

B. 25

C. 45

D. 36

$$18 + 7 < 61 - ? < 83 - 56$$

Câu 5 Hoa cân nặng 25 kg, Mai cân nặng 31 kg. Hoa nhẹ hơn Mai là: (0,5 điểm)

A. 5 kg

B. 56 kg

C. 6 kg

D. 9 kg

Câu 6 Số bị trừ là số lớn nhất có một chữ số, số trừ là số nhỏ nhất có một chữ số. Vậy hiệu bằng: (0,5 điểm)

A. 10

B. 5

C. 9

D. 8

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)

$36 + 7 = \square$

$25 + \square = 42$

$83 - 38 = \square$

$45 - \square = 39$

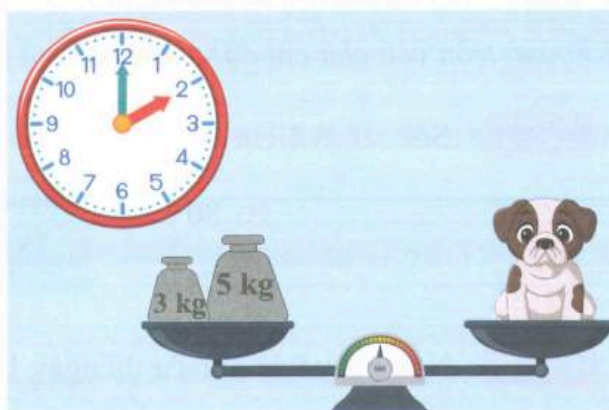
Bài 2 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

a. Bây giờ là buổi chiều. Đồng hồ chỉ



giờ.

b. Con chó nặng  kg.



Bài 3 Số? (1 điểm)

$\square l = 52 l - 27 l - 18 l$

$\square + 19 = 62 - 37$

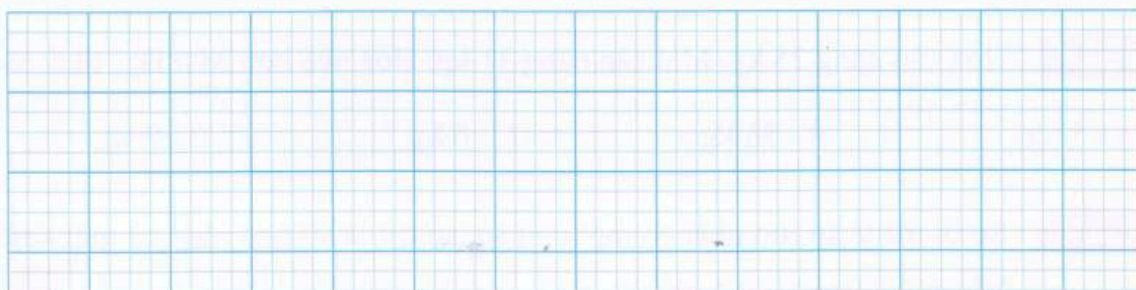
Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$42 \text{ kg} + 28 \text{ kg} \square 59 \text{ kg}$

$93 - 57 \square 22 + 19$

Bài 5 Trong cùng một tòa chung cư, gia đình Hoa ở tầng 25. Gia đình Hoa ở vị trí thấp hơn gia đình Huy 9 tầng. Hỏi gia đình Huy ở tầng bao nhiêu? (1 điểm)

Bài giải



Bài 6 Số? (1 điểm)

Hình bên có  hình tứ giác.



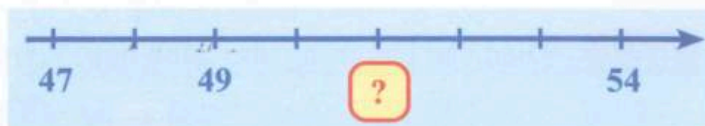


I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

- A. 50 B. 52
C. 51 D. 53



Câu 2 Gia đình Hiền ăn tối lúc: (0,5 điểm)

- A. 7 giờ 15 phút B. 19 giờ 15 phút
C. 7 giờ 3 phút D. 19 giờ 3 phút



Câu 3 Số liền sau của số lớn nhất có hai chữ số là: (0,5 điểm)

- A. 98 B. 97 C. 99 D. 100

Câu 4 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 8 hình tứ giác B. 5 hình tứ giác
C. 7 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 5 Phép tính thích hợp là: (0,5 điểm)

- A. $26 + 27$ B. $92 - 19$
C. $91 - 28$ D. $45 + 38$

$$57 + 15 < ? < ? < 74$$

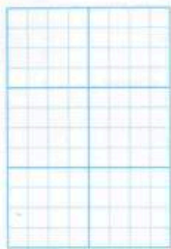
Câu 6 Tổng của số lớn nhất có một chữ số và số liền trước của nó là: (0,5 điểm)

- A. 18 B. 16 C. 17 D. 15

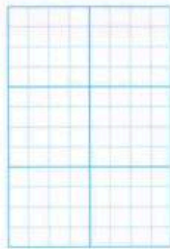
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (2 điểm)

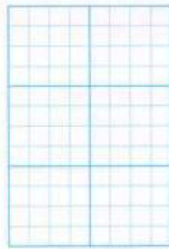
$45 + 9$



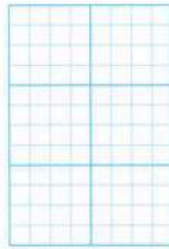
$23 + 18$



$82 - 8$



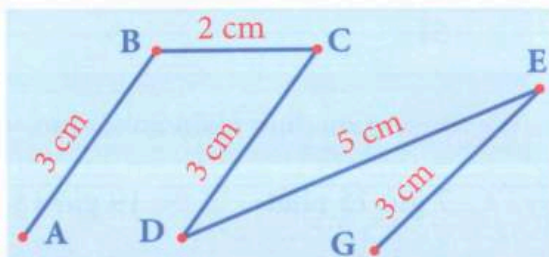
$34 - 15$



Bài 2 Điền vào chỗ trống cho thích hợp. (1 điểm)

a. Độ dài đường gấp khúc BCDE là  cm.

b. Hôm nay là thứ Sáu, ngày 12 tháng 11.



Ngày nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11 là thứ .

Bài 3 Số? (1 điểm)

$8 \text{ kg} + 44 \text{ kg} - 27 \text{ kg} = \text{ kg}$

$36 = 78 - 59 + \text{$

Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$62 \text{ l} \text{  28 \text{ l} + 29 \text{ l}$

$93 - 57 \text{  22 + 19$

Bài 5 Vườn nhà Bảo có 35 cây vải, số cây vải nhiều hơn số cây nhãn 17 cây. Hỏi vườn nhà Bảo có bao nhiêu cây nhãn? (2 điểm)

Bài giải



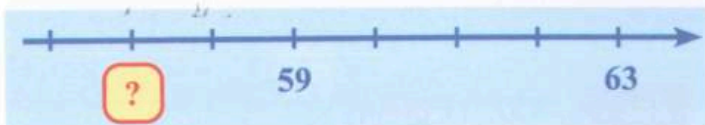


I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

- A. 58 B. 62
C. 57 D. 56



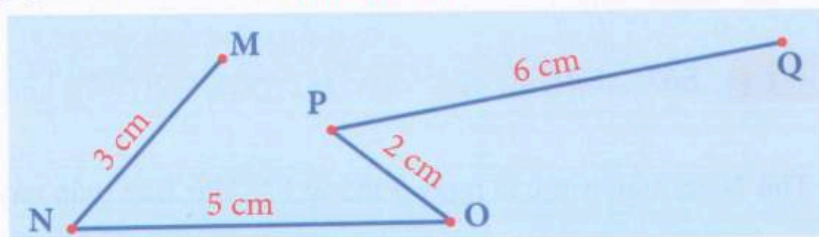
Câu 2 Đồng hồ bên chỉ mấy giờ? (0,5 điểm)

- A. 10 giờ 3 phút B. 22 giờ 15 phút
C. 10 giờ 15 phút D. 23 giờ 15 phút



Câu 3 Độ dài đường gấp khúc MNOP là: (0,5 điểm)

- A. 10 cm
B. 13 cm
C. 16 cm
D. 11 cm



Câu 4 Tổng của 36 và số liền sau của nó là: (0,5 điểm)

- A. 63 B. 72 C. 73 D. 71

Câu 5 Bố về nhà lúc 17 giờ 15 phút, mẹ về nhà lúc 17 giờ 30 phút. Mẹ về nhà muộn hơn bố là: (0,5 điểm)

- A. 15 phút B. 25 phút C. 35 phút D. 45 phút

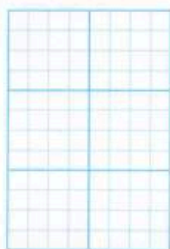
Câu 6 Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số của số đó bằng 12 là: (0,5 điểm)

- A. 66 B. 75 C. 99 D. 93

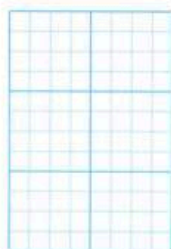
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

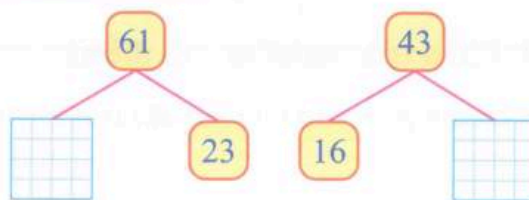
$75 - 48$



$37 + 59$



Bài 2 Số? (1 điểm)



Bài 3 Số? (1 điểm)

$26 \text{ kg} - 19 \text{ kg} + 34 \text{ kg} = \boxed{} \text{ kg}$

$26 = 37 + 23 - \boxed{}$

Bài 4 $> ; < ; =$? (1 điểm)

$42 \text{ l} \boxed{} 82 \text{ l} - 34 \text{ l}$

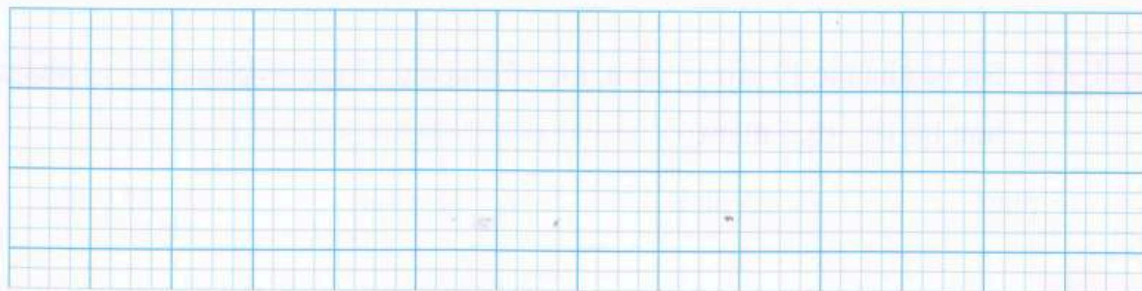
$45 + 18 \boxed{} 81 - 18$

Bài 5 Số? (1 điểm)

Thứ Năm tuần trước là ngày 9 tháng 12. Thứ Bảy tuần này là ngày $\boxed{}$ tháng 12.

Bài 6 Nam và Việt giúp mẹ hái xoài. Nam hái được 42 quả xoài. Nam hái được ít hơn Việt 8 quả xoài. Hỏi Việt hái được bao nhiêu quả xoài? (1 điểm)

Bài giải



Bài 7 Số? (1 điểm)

Hình bên có $\boxed{}$ hình tứ giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

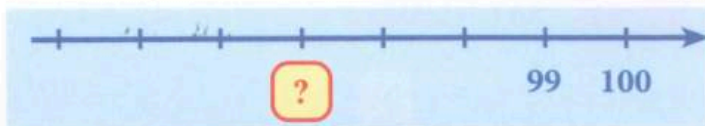
Câu 1 Số? (0,5 điểm)

A. 94

B. 95

C. 96

D. 97



Câu 2 Số bị trừ là 72, hiệu là 28. Số trừ là: (0,5 điểm)

A. 44

B. 54

C. 34

D. 64

Câu 3 Thứ Năm tuần này là ngày 15. Thứ Ba tuần trước là: (0,5 điểm)

A. Ngày 8

B. Ngày 6

C. Ngày 7

D. Ngày 5

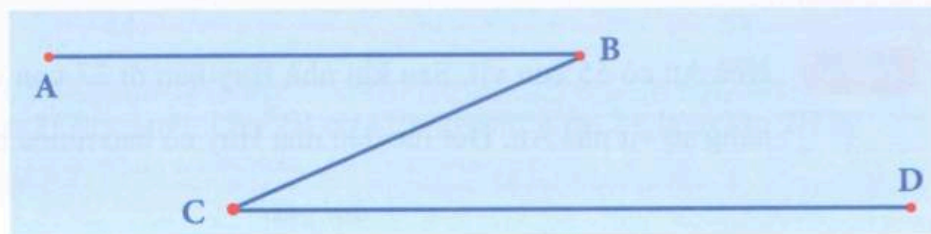
Câu 4 Độ dài của đường gấp khúc ABCD là: (học sinh dùng thước đo độ dài các đoạn thẳng) (0,5 điểm)

A. 18 cm

B. 16 cm

C. 20 cm

D. 21 cm



Câu 5 Phép tính thích hợp là: (0,5 điểm)

A. $26 + 26$

B. $62 - 19$

C. $96 - 47$

D. $39 + 14$

$45 < ? < ? < 52$

Câu 6 Mẹ nhờ An hái 50 quả cam. An đã hái được một số quả cam và cần hái thêm 14 quả thì đủ. Số quả cam An đã hái được là: (0,5 điểm)

A. 36 quả cam

B. 64 quả cam

C. 46 quả cam

D. 55 quả cam

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)

$$28 + 3 = \boxed{} \quad 18 + \boxed{} = 57 \quad 63 - 29 = \boxed{} \quad 41 - \boxed{} = 25$$

Bài 2 Số? (1 điểm)

$$\boxed{} \text{ l} = 25 \text{ l} + 39 \text{ l} + 17 \text{ l}$$

$$55 + 28 - \boxed{} = 46$$

Bài 3 > ; < ; = ? (1 điểm)

$$80 \text{ kg} \boxed{} 55 \text{ kg} + 35 \text{ kg}$$

$$84 - 46 \boxed{} 15 + 19$$

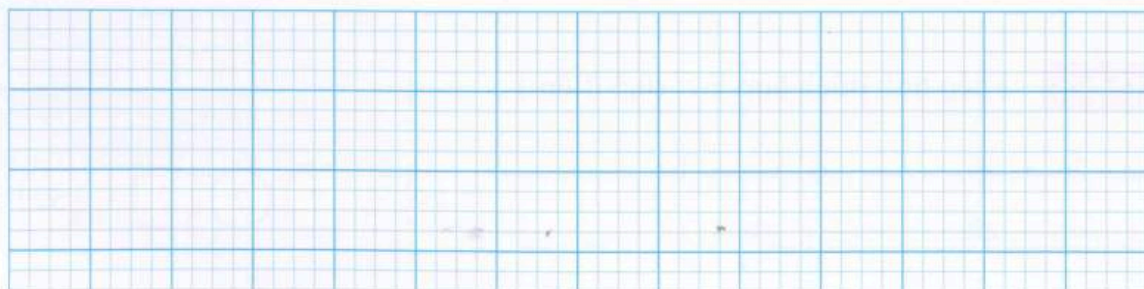
Bài 4 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

Hôm nay là thứ Tư, ngày 15 tháng 12. Còn 8 ngày nữa là đến sinh nhật Hoa. Sinh

nhật Hoa là thứ $\boxed{} \boxed{}$, ngày $\boxed{}$ tháng 12.

Bài 5 Nhà An có 55 con vịt. Sau khi nhà Huy bán đi 27 con vịt thì số vịt nhà Huy bằng số vịt nhà An. Hỏi lúc đầu nhà Huy có bao nhiêu con vịt? (1 điểm)

Bài giải



Bài 6 Số? (1 điểm)

Hình bên có $\boxed{}$ hình tứ giác.





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

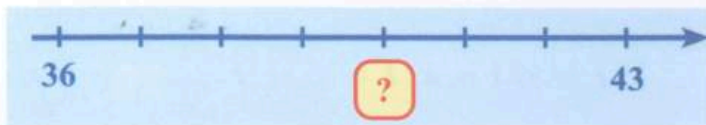
Câu 1 Số? (0,5 điểm)

A. 36

B. 38

C. 40

D. 42



Câu 2 Nếu ngày 12 là Chủ Nhật thì ngày 8 là: (0,5 điểm)

A. Thứ Bảy

B. Thứ Sáu

C. Thứ Năm

D. Thứ Tư

Câu 3 Cho 3 điểm A, B, C thẳng hàng. Nối 3 điểm với nhau được: (0,5 điểm)

A. 3 đoạn thẳng

B. 5 đoạn thẳng

C. 2 đoạn thẳng

D. 4 đoạn thẳng

Câu 4 Số hạng thứ nhất là 46, tổng là số tròn chục lớn nhất có hai chữ số. Số hạng thứ hai là: (0,5 điểm)

A. 53

B. 44

C. 34

D. 52

Câu 5 Lớp 2A có 25 học sinh. Lớp 2B có 31 học sinh. Lớp 2A kém lớp 2B là: (0,5 điểm)

A. 56 học sinh

B. 6 học sinh

C. 5 học sinh

D. 16 học sinh

Câu 6 Cô Hoa có một số quyển vở. Cô tặng 28 quyển vở các bạn lớp 2A thì cô còn lại 22 quyển vở. Số quyển vở lúc đầu cô Hoa có là: (0,5 điểm)

A. 40 quyển vở

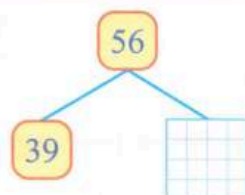
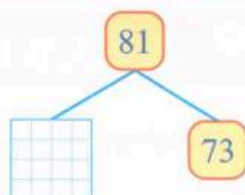
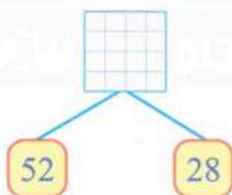
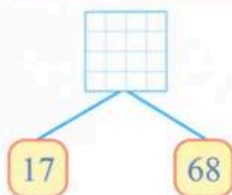
B. 6 quyển vở

C. 50 quyển vở

D. 36 quyển vở

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)



Bài 2 Số? (1 điểm)

$$33 \text{ l} + 57 \text{ l} - 42 \text{ l} = \boxed{} \text{ l}$$

$$34 + \boxed{} = 27 + 53$$

Bài 3 > ; < ; = ? (1 điểm)

$$35 \text{ kg} \boxed{} 72 \text{ kg} - 37 \text{ kg}$$

$$38 + 17 \boxed{} 93 - 29$$

Bài 4 Số? (1 điểm)

Hình bên có $\boxed{}$ đoạn thẳng và $\boxed{}$ hình tứ giác.



Bài 5 Cân nặng trung bình của học sinh lớp Hai là 25 kg, cân nặng của Quý đã vượt quá mức trung bình 7 kg. Hỏi Quý cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam? (1 điểm)

Bài giải



Bài 6 Hiệu của hai số là 41. Nếu giảm số bị trừ đi 17 đơn vị và tăng số trừ lên 15 đơn vị thì hiệu mới bằng bao nhiêu? (1 điểm)

Trả lời: Hiệu mới bằng $\boxed{}$.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

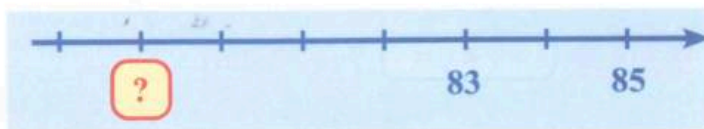
Câu 1 Số? (0,5 điểm)

A. 77

B. 79

C. 82

D. 84



Câu 2 22 giờ 10 phút là khoảng thời gian: (0,5 điểm)

A. Buổi sáng

B. Buổi chiều

C. Buổi tối

D. Ban đêm

Câu 3 Hình bên có: (0,5 điểm)

A. 2 hình tứ giác

B. 3 hình tứ giác

C. 4 hình tứ giác

D. 5 hình tứ giác



Câu 4 Tổng của hai số bằng 26. Mỗi số hạng tăng thêm 7 đơn vị thì tổng mới bằng: (0,5 điểm)

A. 33

B. 40

C. 19

D. 12

Câu 5 Số bị trừ là 62, số trừ là số liền trước của 20. Hiệu là: (0,5 điểm)

A. 82

B. 42

C. 43

D. 53

Câu 6 Mẹ mang 6 chục quả trứng gà và vịt ra chợ bán, trong đó có 25 quả trứng gà. Mẹ bán được 18 quả trứng vịt. Số trứng vịt còn lại là: (0,5 điểm)

A. 17 quả trứng

B. 35 quả trứng

C. 13 quả trứng

D. 67 quýt vờ

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)

$$71 - \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array} = 48$$

Bài 2

$$17 + 53 - \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 26$$

Bài 3

$66 + 17$  $91 - 8$

Bài 4

Độ dài đường gấp khúc ABCD là

The diagram shows two triangles, ABC and DCB , sharing a common base CB . The vertices are labeled A , B , C , and D . The side AB is labeled 3 cm , the side DC is labeled 3 cm , and the side AC is labeled 4 cm . The triangles are shaded yellow.

Bài 5

a. Hoi hiện tại thời gian cách ly y tế là bao nhiêu ngày? (1 điểm)

Bài giải

A blank sheet of graph paper with a light blue grid pattern. The grid consists of small squares, with a slightly larger margin at the top and bottom. There are no markings or text on the page.

Anh Hòa sẽ kết thúc thời gian cách ly vào thứ mấy, ngày mấy tháng 7? (1 điểm)

Trả lời: Anh Hòa sẽ kết thúc thời gian cách ly vào thứ

, ngày

 tháng 7.



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số liền trước của 68 là: (0,5 điểm)

- A. 65 B. 66 C. 69 D. 67

Câu 2 Hiệu của 72 và 18 là: (0,5 điểm)

- A. 54 B. 90 C. 64 D. 80

Câu 3 18 giờ 30 phút là khoảng thời gian: (0,5 điểm)

- A. Buổi sáng B. Buổi chiều C. Buổi tối D. Ban đêm

Câu 4 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 2 hình tứ giác B. 3 hình tứ giác
C. 4 hình tứ giác D. 5 hình tứ giác



Câu 5 Số? (0,5 điểm)

- A. 25 B. 21
C. 18 D. 23

$$63 - 36 < 9 + ? < 91 - 59$$

Câu 6 Thấy Cám có ít quả cam hơn, Tấm đưa cho Cám 7 quả thì số quả cam của hai chị em bằng nhau. Lúc đầu, Tấm có nhiều hơn Cám là: (0,5 điểm)

- A. 7 quả cam B. 10 quả cam C. 12 quả cam D. 14 quả cam

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Số? (2 điểm)

$$7 + 37 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

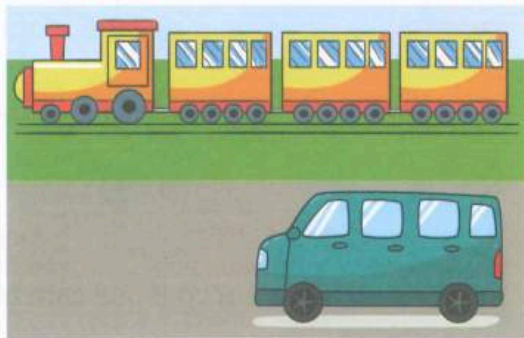
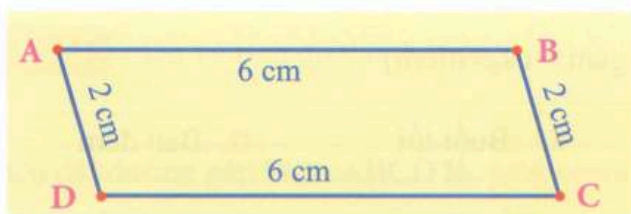
$$56 + 18 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$85 - 9 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$

$$62 - 35 = \begin{array}{|c|c|c|c|} \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline & & & \\ \hline \end{array}$$







Bài giải

[illegible]

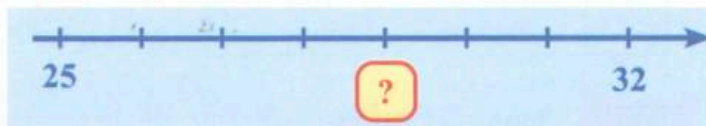


I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

- A. 26 B. 28
C. 29 D. 31



Câu 2 Số liền trước của 50 là: (0,5 điểm)

- A. 49 B. 48 C. 51 D. 52

Câu 3 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 5 hình tứ giác B. 6 hình tứ giác
C. 7 hình tứ giác D. 8 hình tứ giác



Câu 4 Đồng hồ bên chỉ mấy giờ? (0,5 điểm)

- A. 2 giờ 30 phút B. 13 giờ 30 phút
C. 2 giờ 6 phút D. 13 giờ 6 phút



Câu 5 Số? (0,5 điểm)

- A. 92 B. 82
C. 75 D. 58

$$? - 34 = 46 + 29 - 17$$

Câu 6 Hiệu của hai số có hai chữ số là 32. Nếu giữ nguyên số bị trừ và tăng số trừ lên 9 đơn vị thì hiệu mới bằng: (0,5 điểm)

- A. 41 B. 23 C. 26 D. 35

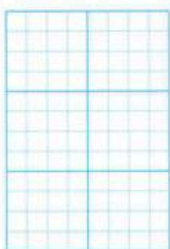
II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Đặt tính rồi tính. (1 điểm)

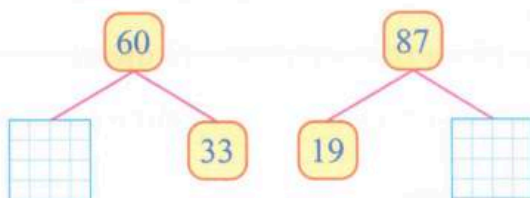
$5 + 45$



$41 - 28$



Bài 2 Số? (1 điểm)



Bài 3 Tính. (1 điểm)

$14 \text{ kg} + 67 \text{ kg} - 38 \text{ kg} =$



$= 54 \text{ l} - 17 \text{ l} + 5 \text{ l}$

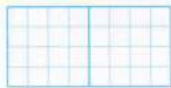
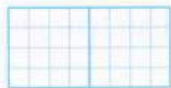
Bài 4 Sắp xếp các tổng hoặc hiệu sau theo thứ tự từ bé đến lớn. (1 điểm)

$51 - 6$

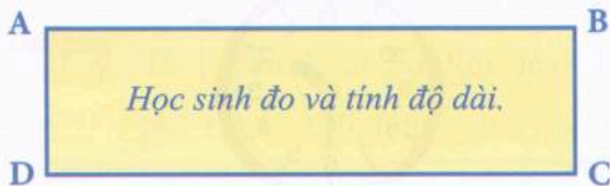
$53 + 29$

$65 - 37$

$12 + 48$



Bài 5 Số? (1 điểm)



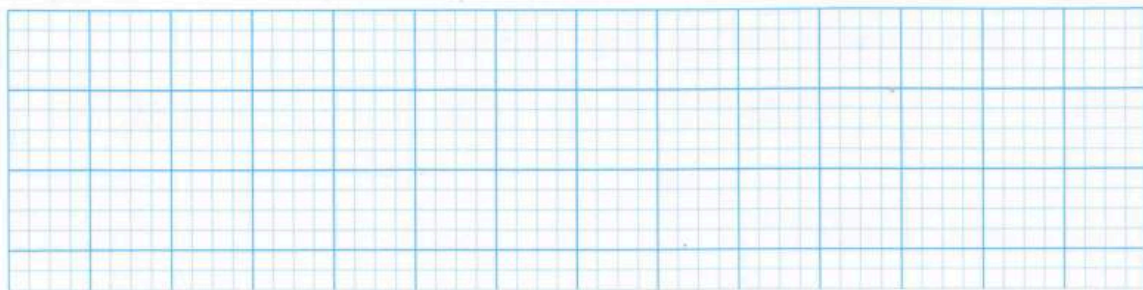
a. Đường gấp khúc ABCD dài: cm.

b. Con mèo cân nặng kg.



Bài 6 Tám và Cám cùng đi bắt cá tép. Tám bắt được 12 kg cá tép. Cám lười nhác, bắt được ít hơn Tám 5 kg. Hỏi Cám bắt được mấy ki-lô-gam cá tép? (2 điểm)

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Tổng của 35 và 26 là: (0,5 điểm)

- A. 9 B. 61 C. 51 D. 19

Câu 2 35 là số liền sau của: (0,5 điểm)

- A. 34 B. 36 C. 37 D. 33

Câu 3 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 5 hình tứ giác B. 6 hình tứ giác
C. 7 hình tứ giác D. 8 hình tứ giác



Câu 4 Thứ Hai tuần này là ngày 17 tháng 1. Thứ Tư tuần sau là: (0,5 điểm)

- A. Ngày 24 tháng 1 B. Ngày 25 tháng 1 C. Ngày 26 tháng 1 D. Ngày 27 tháng 1

Câu 5 Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là: (0,5 điểm)

- A. $55 - 8$ B. $28 + 34$ C. $94 - 67$ D. $17 + 39$

Câu 6 Hiện nay, mẹ 37 tuổi và con 13 tuổi. Hỏi sau mấy năm nữa thì tổng số tuổi của mẹ và con bằng 60? (0,5 điểm)

- A. 5 năm B. 23 năm C. 47 năm D. 10 năm

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (1 điểm)

$$34 \text{ kg} + 57 \text{ kg} = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

$$14 \text{ cm} + 67 \text{ cm} - 38 \text{ cm} = \begin{array}{|c|c|c|c|c|c|} \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline & & & & & \\ \hline \end{array}$$

Bài 2

$$83 - \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 26$$

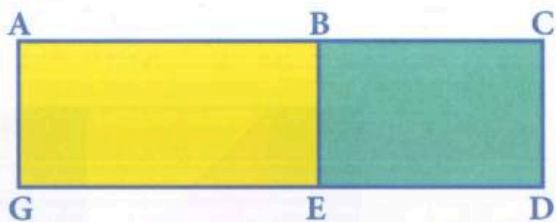
$$74 - 57 + \begin{array}{|c|c|} \hline & \\ \hline & \\ \hline & \\ \hline \end{array} = 45$$

Bài 3

52 kg + 28 kg  90 kg

$37 + 25$  $83 - 16$

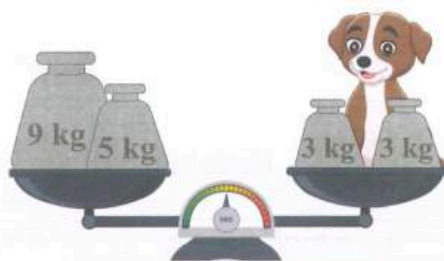
Bài 4



a. Đường gấp khúc ACDE dài:

 cm.

(Học sinh đo và tính độ dài.)



b. Con chó cân nặng

 kg.

Bài 5

Các chú cảnh sát giao thông vừa xử phạt một xe khách có 45 chỗ ngồi, vì chở vượt quá số người quy định 8 người. Hỏi xe khách đã chở bao nhiêu người?

(2 điểm)

Bài giải

[illegible]

Bài 6

Tổng của hai số có hai chữ số bằng 45. Hỏi nếu số hạng thứ nhất tăng thêm 16 đơn vị và số hạng thứ hai bớt đi 8 đơn vị thì tổng mới bằng mấy? (1 điểm)

Trả lời: Tổng mới bằng

.

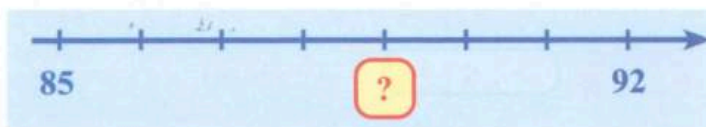


I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số? (0,5 điểm)

- A. 91 B. 89
C. 90 D. 87



Câu 2 59 là số liền trước của: (0,5 điểm)

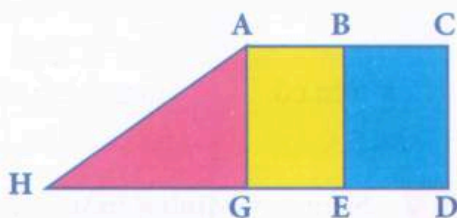
- A. 60 B. 58 C. 61 D. 57

Câu 3 Chủ Nhật tuần này là ngày 21 tháng 3. Thứ Bảy tuần trước là: (0,5 điểm)

- A. Ngày 14 tháng 3 B. Ngày 15 tháng 3 C. Ngày 13 tháng 3 D. Ngày 16 tháng 3

Câu 4 Hình bên có tất cả: (0,5 điểm)

- A. 10 đoạn thẳng B. 11 đoạn thẳng
C. 12 đoạn thẳng D. 13 đoạn thẳng



Câu 5 Tổng của 46 và số liền trước của nó là: (0,5 điểm)

- A. 1 B. 92 C. 91 D. 93

Câu 6 Vườn nhà An trồng cây vải và cây nhãn. Bố An vừa trồng thêm 15 cây vải thì số cây vải nhiều hơn số cây nhãn 42 cây. Lúc đầu, số cây vải nhiều hơn số cây nhãn là: (0,5 điểm)

- A. 5 cây B. 27 cây C. 67 cây D. 37 cây

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (1 điểm)



I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 65 có số liền trước là: (0,5 điểm)

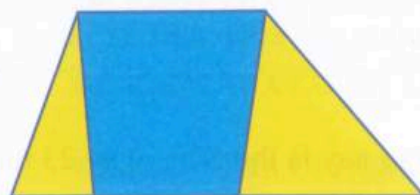
- A. 64 B. 66 C. 63 D. 67

Câu 2 Hiệu của 45 và 29 là: (0,5 điểm)

- A. 74 B. 26 C. 16 D. 64

Câu 3 Hình bên có: (0,5 điểm)

- A. 3 hình tứ giác B. 4 hình tứ giác
C. 5 hình tứ giác D. 6 hình tứ giác



Câu 4 Số? (0,5 điểm)

- A. 28 B. 39
C. 54 D. 43

$$27 + 37 > 17 + ? > 86 - 28$$

Câu 5 Mẹ ra ngoài lúc 8 giờ sáng và về nhà lúc 5 giờ chiều. Thời gian mẹ ra ngoài là: (0,5 điểm)

- A. 13 giờ B. 3 giờ C. 9 giờ D. 8 giờ

Câu 6 Việt có nhiều hơn Nam 18 viên bi. Việt cho Nam 5 viên bi. Khi đó, số bi của Việt nhiều hơn số bi của Nam là: (0,5 điểm)

- A. 8 viên bi B. 13 viên bi C. 23 viên bi D. 12 viên bi

II. Phần tự luận. (7 điểm)

Bài 1 Tính. (1 điểm)

$64\text{ l} - 38\text{ l} =$ 

$38 + 52 - 19 =$ 

Bài 2 Số? (1 điểm)

$$72 - \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} = 59$$


 $- 16 = 24 + 50$

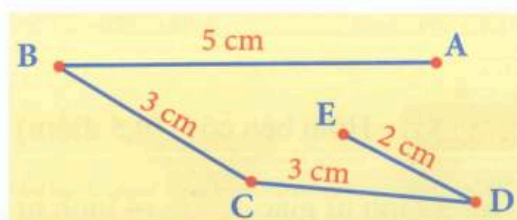
Bài 3 $> ; < ; =$? (1 điểm)

71 kg - 45 kg  19 kg

$15 + 66$  $95 - 7$

Bài 4 Điền vào chỗ trống. (1 điểm)

a. Đường gấp khúc ABCD dài:  cm.



b. Hôm nay là thứ Sáu, ngày 23 tháng 8. Hai tuần trước, Nam có về thăm ông bà nội.

Nam về thăm ông bà nội vào thứ

, ngày

 tháng 8.

Bài 5 Hôm nay, mẹ gánh hai thùng xoài và cam ra chợ bán. Thùng cam cân nặng 25 kg và nhẹ hơn thùng xoài 5 kg.

a. Hòì thúng xoài cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam? (2 điểm)

Bài giải

[illegible]

b. Hôm nay, mẹ thấy đau lưng vì mọi ngày mẹ chỉ gánh có 40 kg hoa quả. Hỏi số hoa quả mẹ gánh hôm nay hơn mọi ngày bao nhiêu ki-lô-gam? **(1 điểm)**

Trả lời: Số hoa quả mẹ gánh hôm nay hơn mọi ngày

 kg.



Mục lục

3	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 1	39	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 9
5	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 2	41	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 10
7	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 3	43	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 11
9	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 4	45	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 12
11	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 5	47	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 13
13	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 6	49	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 14
15	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 7	51	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 15
17	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 8	53	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 16
19	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 9	55	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 17
21	ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ SỐ 10	57	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 18
23	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 1	59	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 19
25	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 2	61	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 20
27	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 3		
29	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 4		
31	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 5		
33	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 6		
35	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 7		
37	ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ SỐ 8		

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 4, Tổng Duy Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.3825.2916 Website: www.nxbhanoi.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc - Tổng Biên tập: **Vũ Văn Việt**

Biên tập: **Đặng Thị Tình**

Thiết kế bìa & trình bày: **Uyển Uyển**

ĐỀ KIỂM TRA **2** TOÁN **HỌC KÌ 1**

ISBN: 978-604-359-473-7



Đối tác liên kết xuất bản:

Công ty cổ phần sách Qbooks

Địa chỉ: Số 190, ngõ 192, đường Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Một số hình ảnh minh họa được sưu tầm từ sách, báo và các nguồn tài liệu tham khảo khác.

Không phần nào trong cuốn sách này được sao chép hoặc chuyển sang bất cứ dạng thức hoặc phương tiện nào, dù là điện tử, in ấn, ghi âm hay bất cứ hệ thống phục hồi và lưu trữ thông tin nào nếu không có sự cho phép bằng văn bản của Qbooks.

In 10.000 cuốn, khổ 19 x 26,5cm tại Công ty Cổ phần in Trường Phát
Địa chỉ: Thôn Xâm Xuyên, xã Hồng Vân, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội

Số xác nhận XB: 57 - 2024/CXBIPH/41 - 06/HN

Theo QĐXB số: 1569/QĐ-HN cấp ngày 28/05/2024

In xong và nộp lưu chiểu năm 2024.